

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2023

V/v ly hôn giữa bà N và ông S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1998 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phạm Duy S, sinh năm: 1994 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông S tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109/2016, ngày 18/10/2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông S có người phụ nữ khác, có hành vi đánh bà, không phụ bà chăm lo gia đình mà thường xuyên ăn nhậu với bạn bè. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành. Bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn

gắn được nữa, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Khánh N, sinh ngày 01/9/2014 và Phạm Khánh H, sinh ngày 01/3/2018, hiện đang sống chung với ông S; Phạm Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/5/2020, hiện đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Khánh N và Phạm Ngọc Khánh V, ông S nuôi dưỡng con chung tên Phạm Khánh H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định bà và ông S không có tài sản chung và không có nợ chung.

- Theo bản tự khai đề ngày 17/3/2023, bị đơn ông Phạm Duy S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S đồng ý ly hôn với bà N.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Khánh N, sinh ngày 01/9/2014, hiện đang sống với ông S; Phạm Khánh H, sinh ngày 01/3/2018, hiện đang sống với ông S và Phạm Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/5/2020, hiện đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông S đồng ý giao cháu N và cháu V cho bà N nuôi dưỡng; ông S yêu cầu nuôi cháu H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do bận công việc nên ông S yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Duy S, ông S có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Duy S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Duy S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109/2016, ngày 18/10/2016 nên xác định hôn nhân giữa bà N và ông S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N trình bày, sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là ông S có người phụ nữ khác, có hành vi đánh bà, không phụ bà chăm lo gia đình mà thường xuyên ăn nhậu với bạn bè. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành. Ông S trình bày ông đồng ý ly hôn với bà N nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông S.

[2.2] Về nuôi con chung: bà N và ông S chung sống có 03 con chung tên Phạm Khánh N, sinh ngày 01/9/2014; Phạm Khánh H, sinh ngày 01/3/2018 và Phạm Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/5/2020. Cả bà N và ông S đều có chung ý kiến giao 02 con chung tên Phạm Khánh N và Phạm Ngọc Khánh V cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung tên Phạm Khánh H cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với con chung tên Phạm Khánh N hiện nay đang sống chung với ông S. Tuy nhiên cháu N có nguyện vọng được sống chung với bà N và ông S cũng đồng ý giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung Phạm Khánh N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Phạm Khánh H và Phạm Ngọc Khánh V, hiện nay cháu H đang sống chung với ông S và cháu V đang sống chung với bà N cuộc sống đã ổn định. Ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V. Điều này là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S và bà N, giao con chung Phạm Khánh H cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Ngọc Khánh V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà N và ông S không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông S xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phạm Duy S.

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phạm Duy S.

2. Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Khánh N, sinh ngày 01/9/2014 và Phạm Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/5/2020. Buộc ông Phạm Duy S giao con chung Phạm Khánh N cho bà N nuôi dưỡng. Ông Phạm Duy S trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Khánh H, sinh ngày 01/3/2018. Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Duy S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0005016 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

Huỳnh Thủy Tiên